TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 06 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2022.
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Lơi.

Bà Mai Thị Viện.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị **Đặng Thị Thu H**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, phường Quảng Tâm, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn**: Anh **Nguyễn Huy D**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Đặng ThịThu H trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Chị H và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Ngày 06/4/2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Giữa hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh D đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc chị không được biết và cũng không liên lạc gì với anh D nên không biết địa chỉ cụ thể của anh hiện nay ở đâu, như thế nào để cung cấp cho Tòa án.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Huy D.

2. *Về con chung*: Chị và anh D chưa có con chung.

3. *Về tài sản, công nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Huy D tại Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh D vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ của mình là ông Nguyễn Văn Luận và bà Lê Thị Tuyết, địa chỉ ở thôn H, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố, mẹ đẻ của anh D.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn Luận và bà Lê Thị Tuyết (Bố, mẹ đẻ anh D) trình bày:

Ông bà là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Huy D. Chị Đặng Thị Thu H là vợ anh D và là con dâu ông, bà. Năm 2017, anh D và chị H kết hôn và chung sống cùng vợ chồng ông, bà. Sau khi cưới được khoảng 20 ngày, anh D đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay chưa về Việt Nam. Ông, bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh D nhưng anh D không nói cho ông, bà biết địa chỉ hiện tại đang ở đâu, chỉ biết anh vẫn đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Việc vợ chồng chị H anh D mâu thuẫn với nhau do hiểu nhầm nhau về quan hệ ngoài luồng. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh D, chị cũng đã trao đổi với ông, bà và ông, bà cũng đã báo cho anh D được biết. Quan điểm của ông, bà việc chị H và anh D ly hôn hay không là quyền của anh, chị, ông, bà không can thiệp. Về con chung và tài sản thì vợ chồng anh D, chị H không có con chung và tài sản gì.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã đến làm việc và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án. Bản thân ông, bà là bố, mẹ anh D nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D được biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn anh D; Anh D và chị H không có con chung và tài sản gì nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến củaViện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền của Tòa án*:

Chị Đặng Thị Thu H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Huy D đăng ký hộ khẩu tại xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. *Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn*:

Chị Đặng Thị Thu H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Huy D ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh D tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Luận, bà Tuyết là bố, mẹ đẻ của anh D đều trình bày không biết địa chỉ của anh D ở Hàn Quốc. Tuy anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Ông Luận, bà Tuyết vẫn thường xuyên liên lạc với anh D nên đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh D, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*:

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Huy D mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Đặng Thị Thu H và anh Nguyễn Huy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị H đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên

thường xuyên cãi nhau, chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ và ly thân với anh D từ ngày 06/4/2017 đến nay. Cùng năm 2017 anh D đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã không liên hệ với nhau, chị không có địa chỉ của anh D tại Hàn Quốc nên không cung cấp địa chỉ của anh D tại Hàn Quốc cho Tòa án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị H được ly hôn anh D.

[2.2]. *Về con chung*: Anh D và chị H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản, công nợ chung*: Chị Đặng Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh Nguyễn Huy D không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh D yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Thu H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4].*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H.

- Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Huy D.

- Về con chung: Anh D và chị H không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001006 ngày 25/10/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Nguyễn Huy D có quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Minh, H. Thọ Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Lưu Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thành